

Số: 01/2024/QĐST-HNGD

Pác Nặm, ngày 08 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Hủy việc kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hà Thanh Tuấn

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên họp: Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2024/TLST-HNGD ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-HNGD ngày 26 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân xã C, huyện P tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lương Văn D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Sùng A Á - Sinh ngày 04 tháng 02 năm 1986

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện P tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Chị Giàng Thị S - sinh ngày 19 tháng 4 năm 1984

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện P tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn trình bày: Ngày 20/3/2004 Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn đăng ký kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện cho anh S1 Á Áo và chị Giàng Thị N, khi kết hôn anh Á và chị N không mang theo giấy tờ về nhân thân mà chỉ khai với Ban tư pháp xã Cổ Linh là anh sinh ngày 14/3/1984, còn chị tên là Giàng Thị N sinh năm 1984, do Cán bộ Tư pháp hộ tịch thời điểm đó không kiểm tra kỹ, không thẩm định rõ tuổi thật của anh Á nên đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Á và chị N; thực tế theo toàn bộ giấy tờ về hộ tịch sau này của anh Á đều thể hiện tên và ngày, tháng, năm sinh là Sùng A Á, sinh ngày 04/02/1986, còn chị N tên là Giàng Thị S sinh ngày 19/4/1984. Như vậy tính đến ngày 20/3/2004 được Ủy ban nhân dân xã Đ kết hôn anh S1 Á Áo mới được 18 tuổi 01 tháng 16 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, do vậy Ủy ban nhân dân xã C, huyện P đề nghị Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Sùng Á Á1 (Sùng A Á) và chị Giàng Thị N (Giàng Thị S).

Tại biên bản lấy lời khai chị Giàng Thị S trình bày: Chị và anh Á có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn ngày 20/3/2004. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay, chị và anh Á đã có 05 người con chung là Sùng Văn M, sinh ngày 10/5/2004; Sùng Thị G sinh ngày 24/10/2006; Sùng Văn D1 sinh ngày 12/9/2012; Sùng Thị T sinh ngày 20/9/2018; Sùng Thị Y sinh ngày 17/6/2021, các con của chị đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị nhất trí việc Ủy ban nhân dân xã C, huyện P yêu cầu hủy việc kết hôn giữa chị và anh Á. Chị đề nghị giao các con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Á phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai anh Sùng A Á trình bày: Anh và chị S có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn ngày 20/3/2004. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa, anh và chị S đã có 05 người con chung là Sùng Văn M, sinh ngày 10/5/2004; Sùng Thị G sinh ngày 24/10/2006; Sùng Văn D1 sinh ngày 12/9/2012; Sùng Thị T sinh ngày 20/9/2018; Sùng Thị Y sinh ngày 17/6/2021, các con của chị đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Anh nhất trí việc Ủy ban nhân dân xã C, huyện P yêu cầu hủy việc kết hôn giữa chị S và anh. Về các con chung, anh đề nghị giao các con chung theo nguyện vọng của các con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của Sùng Thị G và Sùng Văn D1 thì hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ Giàng Thị S.

Đại diện Viện kiểm sát huyện P trình bày phát biểu quan điểm về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết việc của Thẩm phán và việc chấp hành pháp luật của các đương sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu về việc hủy kết hôn trái pháp luật của UBND xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, giao các con chung của

chị Giàng Thị S và anh Sùng A Á là Sùng Thị G sinh ngày 24/10/2006; Sùng Văn D1 sinh ngày 12/9/2012; Sùng Thị T sinh ngày 20/9/2018; Sùng Thị Y sinh ngày 17/6/2021 cho chị Giàng Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi, Ủy ban nhân dân xã C, huyện P không phải chịu lệ phí việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Sùng A Á và chị Giàng Thị S. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Ông Lương Văn D – Chủ tịch UBND xã C và anh Sùng A Á, chị Giàng Thị S có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ quy định tại Điều 367 BLTTDS năm 2015 Tòa án tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Anh Sùng A Á sinh ngày 04/02/1986 và chị Giàng Thị S sinh ngày 19/4/1984 kết hôn vào ngày 20/3/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Đến nay, anh Á, chị S chưa được Tòa án nào giải quyết việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Ngày 20/3/2004 Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Á, chị S là đúng thẩm quyền, tuy nhiên ngày 20/3/2004 Ủy ban nhân dân xã C thực hiện việc đăng ký kết hôn thì anh Sùng A Á mới được 18 tuổi 01 tháng 16 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn nên việc đăng ký kết hôn của anh Á, chị S là trái pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy, Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Á và chị S là có căn cứ.

Anh Á và chị S có 05 con chung là Sùng Văn M, sinh ngày 10/5/2004; Sùng Thị G sinh ngày 24/10/2006; Sùng Văn D1 sinh ngày 12/9/2012; Sùng Thị T sinh ngày 20/9/2018; Sùng Thị Y sinh ngày 17/6/2021, các con của chị đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, trong đó có Sùng Văn M đã thành niên còn Sùng Thị G, Sùng Văn D1, Sùng Thị T, Sùng Thị Y chưa thành niên. Chị Giàng Thị S có nguyện vọng được nuôi cả 04 con chưa thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Sùng A Á có ý kiến tùy theo nguyện vọng của con, con muốn theo ai thì do các con quyết định. Tòa án đã lấy lời khai của cháu Sùng Thị G, Sùng Văn D1 thì các cháu đều muốn được ở với mẹ, còn cháu T, cháu Y còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của mẹ, do vậy cần giao các cháu Sùng Thị G, Sùng Văn D1, Sùng Thị T, Sùng Thị Y cho chị Giàng Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng,

giáo dục, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị S không yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Á có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Sùng A Á và chị Giàng Thị S không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Căn cứ đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và ý kiến của anh Á, chị S thì Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT -TANDTC-VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. *“Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình”* để giải quyết vụ việc.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì người yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn không phải chịu lệ phí Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 361, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10; khoản 3 Điều 11; Điều 12; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Giàng Thị N (Giàng Thị S) và anh S1 Á Áo (Sùng A Á) tại Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 20/3/2004 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

3. Giao các con chung của chị Giàng Thị S và anh Sùng A Á là Sùng Thị G sinh ngày 24/10/2006; Sùng Văn D1 sinh ngày 12/9/2012; Sùng Thị T sinh ngày 20/9/2018; Sùng Thị Y sinh ngày 17/6/2021 đều khỏe mạnh và phát triển bình

thường cho chị Giàng Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị S không yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Á có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Pác Nặm;
- UBND xã Cổ Linh
- Người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký

Hà Thanh Tuấn